

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm B, thị trấn SD, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2020 và đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa ngày 09/01/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh G tự nguyện kết hôn năm 2006 và có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, sống không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng. Do vậy, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung tên Nguyễn Hoài L, sinh ngày 05/9/2006. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh G đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị T có đơn không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh G là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G tự nguyện kết hôn năm 2006 và có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn SĐ nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, sống không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh G. Quá trình giải quyết vụ án, anh G đã biết chị T kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh G không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị T đặt ra. Từ căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoài L, sinh ngày 05/9/2006 hiện do chị T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi dưỡng con và anh G không có ý kiến phản bác nên được xem như chấp nhận yêu cầu của chị T đặt ra. Ngoài ra, qua làm việc nguyện vọng của cháu Luân muốn sống cùng với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị T không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị T và anh G không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 2 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài L, sinh ngày 05/9/2006 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị T phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0003108 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn SĐ (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên